TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ** **TỈNH HÀ GIANG** _____	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** _____

Bản án số: 01/2023 /DS-ST
Ngày 12 - 7 - 2023
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản, tranh chấp tiền công trong hợp đồng gia công

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH HÀ GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Bùi Văn Đàm**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Dương Tiến Dũng**

2. Bà **Lương Thị Nhiễu**

Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Dung** - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Hà Giang.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Hà Giang, tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Mạnh Cường** - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 01/2023/TLST-DS ngày 12 tháng 01 năm 2023 về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, tranh chấp tiền công trong hợp đồng gia công"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2023/QĐXX-ST ngày 26 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Thào Thị P** - Sinh năm 1978; địa chỉ: Thôn ĐK, xã SL, huyện Đ, tỉnh Hà Giang. (Có mặt);

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Thanh Huyền** - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Hà Giang. (Có đơn xin xét xử vắng mặt, có gửi luận cứ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn);

2. Bị đơn: Chị **Sùng Thị M** - Sinh năm 1976; địa chỉ: Thôn LCD, xã SL, huyện Đ, tỉnh Hà Giang. (Có mặt);

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Bà **Vương Thị Minh Huệ** - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Hà Giang. (Có đơn xin xét xử vắng mặt, có gửi luận cứ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn);

3. Người làm chứng: Bà **Vàng Thị S** - Sinh năm 1973; địa chỉ: Thôn LCD, xã SL, huyện Đ, tỉnh Hà Giang. (Vắng mặt);

4. Người phiên dịch: Anh **Ly Mí Súng**; địa chỉ: Tổ 3, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Hà Giang. (Có mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 23 tháng 9 năm 2022 cùng các tài liệu chứng cứ kèm theo và trong quá trình xét xử, nguyên đơn Thào Thị P trình bày: Tháng 10/2018, chị đã cho chị Sùng Thị M vay số tiền 15.500.000 đồng để làm đám cưới cho con gái, chị M hẹn sau khi cưới con xong sẽ trả tiền. Khi vay hai bên không viết giấy tờ gì, cũng không thỏa thuận về tiền lãi. Sau khi cưới con xong, chị M không mang tiền đến trả, chị nghĩ rằng do gia đình chị M vẫn còn bận việc và là chỗ hàng xóm nên chị không đến đòi. Thời gian tiếp theo, thi thoảng chị vẫn yêu cầu chị M thanh toán nhưng chị M chưa có nên khất nợ. Thấy vậy, chị cũng không đòi gay gắt. Đến ngày 22/01/2022, do thời gian chị vay tiền đã quá lâu mà không trả, chị đã đến nhà chị M đề đòi tiền. Khi đó, chị M nói do chị đòi gấp quá nên chị M không có tiền; hơn nữa sắp đến Tết (nguyên đán) rồi nên chị M hẹn qua Tết sẽ trả. Tuy nhiên, qua Tết chị M cũng không trả tiền cho chị. Đến ngày 16/6/2022, vẫn chưa thấy chị M trả tiền nên chị đã mời Trưởng thôn và Bí thư chi bộ thôn ĐK, xã SL và chị M đến nhà chị để giải quyết. Tại buổi làm việc, trước sự chứng kiến của Trưởng thôn và Bí thư Chi bộ thôn ĐK (có lập biên bản), chị M đã thừa nhận có vay của chị số tiền 15.500.000 đồng và hứa đến ngày 18/6/2022 sẽ mang tiền đến trả tiền cho chị. Tuy nhiên, đến hẹn chị M vẫn không mang tiền đến trả. Đến ngày 05/7/2022, chị đã báo Công an xã SL để giải quyết. Khi làm việc với Công an xã SL, chị M vẫn thừa nhận có vay tiền của chị nhưng không chịu trả tiền cho chị với lý do: trong năm 2021, chị M đã may thuê cho chị 1.300 chiếc yếm, tiền công là 15.000 đồng/chiếc, tổng số tiền là 19.500.000 đồng nhưng chị chưa thanh toán tiền công cho chị M. Chị không đồng ý với lý do chị M đưa ra vì hoàn toàn không đúng sự thật. Từ khoảng năm 2015, chị có thuê chị M may yếm với tiền công là 15.000 đồng/chiếc nhưng từ cuối năm 2019, gia đình chị đã dừng việc may yếm do đại dịch Covid - 19. Do vậy, không có việc chị còn nợ chị M tiền công may yếm từ năm 2021. Về tiền công may yếm, chị M thường ứng tiền của chị trước rồi may yếm trừ sau, mỗi lần chị cho chị M ứng tiền, chị đều bảo con gái ghi vào sổ để theo dõi (không có chữ ký của chị M). Tính đến khi chị dừng không may yếm (cuối năm 2019, đầu năm 2020) thì chị M còn ứng dư của chị số tiền 6.000.000 đồng. Tuy nhiên, do chỉ là chị tự theo dõi trong sổ của mình mà không có chữ ký của chị M, chị M cũng không thừa nhận việc này nên chị không yêu cầu chị M phải thanh toán số tiền 6.000.000 đồng mà chị M đã ứng dư. Nay chị M yêu cầu chị thanh toán số tiền 19.500.000 đồng tiền công may yếm từ năm 2021 chị không nhất trí vì việc đó không có thật. Chị đề nghị Toà án giải quyết: Buộc chị Sùng Thị M trả cho chị 15.500.000 đồng tiền gốc mà chị đã cho chị M vay từ tháng 10 năm 2018, và tiền lãi phát sinh kể từ khi chị M cam kết trả là ngày 18 tháng 6 năm 2022 đến nay là 15.500.000 đồng x 1%/tháng x 13 tháng = 2.015.000 đồng (tính tròn là 2.000.000 đồng), tổng số tiền chị M phải trả cho chị là 17.500.000 đồng.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 14/3/2023, đơn phản tố ngày 15/3/2023, biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; biên bản hòa giải; biên bản đối chất và tại phiên tòa, bị đơn Sùng Thị M trình bày: Năm 2018 (chị không nhớ rõ tháng), chị có vay của chị Thào Thị P số tiền 15.500.000 đồng để

làm đám cưới cho con gái, hẹn khi xong việc sẽ trả tiền. Khi vay hai bên không viết giấy tờ và không nói đến việc tính lãi. Khi cưới con gái xong, chị đã mang tiền đến trả nhưng chị P không nhận và bảo chị cứ giữ lấy. Chị P tiếp tục mang vải đến cho chị may yếm thuê cho chị P để trừ tiền công đến khi hết số tiền. Trước đó, chị đã nhận may yếm cho chị P tính đến nay được khoảng 10 năm. Từ khi chị nhận may yếm cho chị P cho đến hết năm 2020, chị và chị P đã thanh toán hết nợ nần liên quan đến việc chị may yếm thuê cho chị P. Kể từ tháng 01/2021 đến tháng 12/2021, chị đã may được 1.300 chiếc, tiền công là 15.000 đồng/chiếc, tổng số tiền là 19.500.000 đồng nhưng chị P chưa thanh toán cho chị số tiền công chị đã may yếm. Việc chị thỏa thuận nhận may yếm cho chị P với đơn giá 15.000 đồng/chiếc không có văn bản, tài liệu nào thể hiện việc hai bên giao dịch mà chỉ là thỏa thuận miệng. Về số lượng 1.300 chiếc yếm đó là do mỗi lần chị may xong yếm, giao cho chị P thì chị tự nhớ và tự ghi vào giấy (loại giấy từ vở học sinh) để tự theo dõi. Mặc dù chị không biết chữ nhưng chị biết viết số và biết cộng, trừ. Hàng tháng chị đều cộng số lượng yếm đã giao cho chị P để biết số lượng, tự ghi lại số lượng mà không có chữ ký xác nhận của chị P. Tuy nhiên, việc chị may yếm thuê cho chị P có chị Vàng Thị Mai và bà Vàng Thị S hàng xóm chị biết. Hàng ngày, chị Mai, bà S đến chơi thấy chị may yếm đã hỏi chị may cho ai, chị đã trả lời là mình may yếm thuê cho chị Thào Thị P. Nay chị Thào Thị P yêu cầu chị trả lại số tiền gốc là 15.500.000 đồng và tiền lãi là 2.000.000 đồng chị nhất trí sẽ trả, với điều kiện chị P phải thanh toán cho chị số tiền 19.500.000 đồng mà chị đã may yếm thuê cho chị P.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 15/3/2023, người làm chứng Vàng Thị S trình bày: Nhà bà ở gần nhà chị M, thỉnh thoảng sang chơi bà thấy chị M may yếm, bà có hỏi may cho ai thì chị M trả lời là yếm thuê cho chị Thào Thị P. Chị M may thuê yếm cho chị P từ khi nào bà không nhớ chỉ biết được khoảng gần 10 năm nay. Đến năm 2020 bà vẫn thấy chị M còn may yếm, kể từ năm 2021 trở lại đây thì không thấy chị M may yếm nữa, thời điểm cụ thể chị M dừng may yếm khi nào bà cũng không nắm được. Bà chỉ biết tiền công may mỗi chiếc yếm là 15.000 đồng, còn về số lượng yếm chị M đã may cho chị P và việc toán tiền công may yếm giữa chị M và chị P thì bà không nắm được.

Tại Biên bản đối chất ngày 12/4/2023 giữa chị P và chị M, hai bên đều thống nhất với nhau về các nội dung liên quan đến khoản tiền 15.500.000 đồng mà chị P cho chị M vay (thời gian vay tiền, số tiền vay, thời gian giải quyết, nội dung giải quyết sự việc ngày 16/6/2022 và ngày 05/7/2022). Về việc liên quan đến tiền công may yếm, hai bên chỉ thống nhất được nội dung chị P có thuê chị M may yếm cách đây khoảng mười năm; tiền công may yếm được tính là 15.000 đồng/chiếc; trong quá trình may yếm, chị M là người ứng tiền trước tiền công rồi may yếm trừ đi sau, do gia đình có việc riêng nên chị M vẫn ứng tiền thường xuyên, còn khoản tiền vay 15.500.000 đồng thống nhất để riêng ra. Nội dung các bên không thống nhất được gồm có: thời gian hai bên dừng việc thuê may yếm (chị P cho rằng đã dừng từ đầu năm 2020, chị M cho rằng chị may thuê cho chị P đến hết năm 2021 mới dừng lại), từ đó chị P cho rằng không có nội dung chị còn nợ tiền công may yếm.

Tại biên bản xác minh ngày 24/4/2023, anh Vừ Mí P1, Bí thư Chi bộ thôn ĐK, xã SL trình bày: Ngày 16/6/2022 anh và Trưởng thôn ĐK được chị Thào Thị P mời đến nhà để chứng kiến việc chị Thào Thị P đòi chị Sùng Thị M số tiền 15.500.000 đồng. Anh được nhờ lập biên bản, ghi chép lại nội dung làm việc giữa hai bên. Chị M thừa nhận việc có vay của chị P số tiền 15.500.000 đồng từ năm 2018 và chị cam kết trả số tiền trên cho chị P vào ngày 18/6/2022. Tại buổi làm việc chị M cũng đề cập đến việc yêu cầu chị P trả cho chị số tiền công may yếm từ năm 2021 (1.300 chiếc x 15.000 đồng/chiếc = 19.500.000 đồng). Tuy nhiên, chị P không nhất trí với lý do không có việc trong năm 2021 chị M may yếm thuê cho chị P. Anh và Trưởng thôn ĐK có nói nay chị P không nhất trí với ý kiến của chị thì chị phải đưa ra chứng cứ (sổ sách ghi chép hoặc tài liệu khác) để chứng minh cho yêu cầu của mình, yêu cầu chị về nhà tìm các tài liệu chứng cứ nhưng chị M không về, không đưa ra được chứng cứ gì. Sau đó, chị M nhất trí việc không đưa nội dung chị yêu cầu chị P thanh toán số tiền công may yếm vào biên bản. Trong quá trình làm việc, do tất cả những người có mặt đều là người dân tộc Mông, nên đều nói chuyện bằng tiếng Mông. Khi viết xong biên bản, anh đã đọc lại nội dung biên bản bằng tiếng Mông cho tất cả mọi người cùng nghe và cùng nhất trí ký tên (hoặc điểm chỉ) vào biên bản (Trưởng thôn ĐK chỉ chứng kiến nên không ký biên bản). Đối với việc chị P đã dừng may yếm từ thời gian nào anh cũng nắm rõ, anh chỉ nhớ sau khi giãn cách xã hội vì Covid - 19, anh không thấy chị P đi chợ và may yếm nữa, thời gian đó vào khoảng giữa năm 2020.

Tại biên bản xác minh ngày 24/4/2023, chị Vàng Thị M1 trình bày: Chị và chị Sùng Thị M là hàng xóm, ở sát nhà nhau nhưng chị ít qua lại vì bận bán hàng và con nhỏ. Thỉnh thoảng chị có sang nhà chị M chơi, có lúc thì thấy chị M may yếm, lúc lại thấy nghỉ nên chị nghĩ chị M tự may. Chị cũng không hỏi là chị M may thuê cho người khác hay tự may của mình nên chị không biết chị M đã may được bao nhiêu cái yếm và tiền công như thế nào. Việc chị M đã dừng may yếm từ thời gian nào chị cũng không biết vì chị M cứ may một thời gian lại nghỉ một thời gian, chị M1 chỉ nhớ chị M đã dừng việc may yếm cách đây khoảng hai năm.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Hà Giang phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự. Trong thời gian chuẩn bị xét xử Thẩm phán đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ của mình, tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, tống đạt các văn bản, quyết định tố tụng cho đương sự đầy đủ; ban hành Quyết định đưa vụ án ra xét xử đúng thời hạn, đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm, tiến hành khai mạc phiên tòa, giới thiệu

thành phần Hội đồng xét xử, phổ biến quyền và nghĩa vụ của đượng sự. Thành phần Hội đồng xét xử đúng như đã nêu tại Quyết định đưa vụ án xét xử; Thẩm phán chủ tọa phiên tòa điều hành trình tự, thủ tục tranh tụng đúng quy định tại Điều 249 và Điều 260 Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án : Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 71, 72, 76, 77, 81 227 và 234 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 96; khoản 1 Điều 47; Điều 273; Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 166; 357; 463; 466; 470 Bộ luật dân sự; khoản 2, khoản 5 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, để tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn Sùng Thị M trả cho chị Thào Thị P số tiền gốc là 15.500.000 đồng và số tiền lãi phát sinh từ tháng 6/2022 đến thời điểm xét xử là 2.000.000 đồng, tổng cộng là 17.500.000 đồng.

- Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn Sùng Thị M về việc yêu cầu chị Thào Thị P phải thanh toán tiền công may yếm là 19.500.000 đồng.

- Về án phí: Nguyên đơn Thào Thị P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn Sùng Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với khoản tiền 17.500.000 đồng mà bị đơn có nghĩa vụ phải trả cho nguyên đơn và đối với khoản tiền 19.500.000 đồng yêu cầu phản tố không được chấp nhận. Tổng cộng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 1.850.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đơn khởi kiện của chị Thào Thị P về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản với chị Sùng Thị M, yêu cầu phản tố của chị Sùng Thị M về tranh chấp tiền công trong hợp đồng gia công với chị Thào Thị P được Tòa án nhân dân huyện Đ thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ, tiến hành lấy lời khai, đối chất, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử đúng trình tự, thủ tục luật định.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Tháng 10/2018 chị Thào Thị P đã cho chị Sùng Thị M vay số tiền 15.500.000 đồng, không tính lãi suất và không hẹn thời gian trả tiền, do thời gian chị M vay đã lâu nên chị P đã đòi chị M nhiều lần nhưng chị M không trả nên chị P đã khởi kiện buộc chị M trả tiền, do vậy yêu cầu của chị P thuộc trường hợp tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự; khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Đối

với yêu cầu phản tố của chị Sùng Thị M yêu cầu chị Thào Thị P thanh toán số tiền 19.500.000 đồng tiền công chị M may yếm thuê cho chị P, như vậy yêu cầu cầu chị M thuộc trường hợp tranh chấp tiền công trong hợp đồng gia công theo quy định tại Điều 542 Bộ luật dân sự; khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Chị Thào Thị P cho chị Sùng Thị M vay số tiền 15.500.000 đồng từ năm 2018; mặc dù hai bên không làm giấy tờ nhưng tại Biên bản xác minh về việc vay tiền ngày 16/6/2022 lập tại thôn ĐK, xã SL và Biên bản làm việc ngày 05/7/2022 do Công an xã SL lập đều thể hiện việc chị P đã cho chị M vay tiền, chị M cũng thừa nhận nên đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo Điều 92 Bộ luạt tố tụng dan sự. Khi cho nhau vay tiền hai bên đều hoàn toàn tự nguyện, không bên nào bị lừa dối, ép buộc, không trái đạo đức, không trái pháp luật. Hợp đồng xác lập giữa hai bên là hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn (đến khi chị M tổ chức xong đám cưới con gái, các bên đều không nhớ cụ thể nhưng sau thời điểm vay khoảng một đến hai tháng) và không có lãi. Tuy nhiên, do quen biết nhau nên hai bên đã nhiều lần đòi, nhiều lần gia hạn nợ cho nhau. Do vậy, thời hạn trả nợ được dời đến ngày các bên chốt nợ, cam kết trả nợ cho nhau. Tại Biên bản xác minh về việc vay tiền lập ngày 16/6/2022 với sự chứng kiến của Trưởng thôn và Bí thư Chi bộ thôn ĐK (thực chất là biên bản sự việc, có nội dung xác nhận việc chị P cho chị M vay tiền, chốt thời gian trả nợ), chị M xác nhận có vay của chị P 15.500.000 đồng và hẹn đến ngày 18/6/2022 sẽ trả toàn bộ số tiền cho chị P. Tính đến hạn trả nợ (ngày 18/6/2022) chị M không trả theo cam kết nên chị P khởi kiện yêu cầu chị M phải trả cho cho chị P số tiền gốc đã vay là 15.5000.000 đồng và số tiền lãi tính từ ngày bị đơn cam kết trả (18/6/2022) đến ngày xét xử, tính tròn là 2.000.000 đồng. Bị đơn nhất trí với ý kiến của nguyên đơn về quá trình vay nợ, chốt nợ với nhau; nhất trí trả cho nguyên đơn số tiền 15.500.000 đồng tiền gốc và 2.000.000 đồng tiền lãi, với điều kiện nguyên đơn phải trả cho bị đơn 19.500.000 đồng tiền công may yếm. Xét thấy, việc vay nợ là thực tế, các bên đều thống nhất được số tiền gốc và số tiền lãi phát sinh, việc thống nhất này không trái pháp luật, do vậy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 và khoản 4 Điều 466; Điều 468 của Bộ luật dân sự nên cần được chấp nhận.

[4] Xét yêu cầu phản tố của bị đơn: Các đương sự đều thống nhất nội dung chị P mua vải về giao cho chị M mang về nhà may yếm, sau khi sản phẩm hoàn thành sẽ trả tiền công theo đơn giá 15.000 đồng/chiếc yếm. Giao dịch này các bên tự thỏa thuận miệng với nhau và đã xác lập từ rất lâu (cách đây khoảng 10 năm); quá trình giao nhận nguyên liệu, sản phẩm, tạm ứng trước và thanh toán tiền công cho nhau dựa trên niềm tin và thông lệ các bên vẫn từng thực hiện với nhau, không có sổ sách, chứng từ nào ký nhận với nhau. Chị M cho rằng tính đến hết năm 2020, hai bên đã thanh toán toàn bộ số tiền tiền ứng, tiền công với nhau, không ai còn nợ ai. Riêng tiền công may yếm trong năm 2021, chị P chưa thanh toán cho chị (từ tháng 01/2021 đến tháng 12/2021 chị may tổng cộng 1.300 chiếc yếm, tiền công là 19.500.000 đồng). Tuy nhiên, chị P cho rằng chị đã dừng việc may yếm vào đầu năm 2020, khi xảy ra giãn cách xã hội do đại

dịch Covid - 19, chị không đi chợ bán yếm được. Chị P cũng cho rằng tính đến hết năm 2019, sau khi hai bên tính toán thì số tiền chị M tạm ứng còn dư 6.000.000 đồng. Kể từ đó chị dừng không may yếm nữa. Nay do số tiền 6.000.000 đồng chị M tạm ứng dư chỉ do chị nhờ con gái ghi vào sổ để tự theo dõi, không có xác nhận của chị M nên chị không yêu cầu chị M trả nữa. Chị không chấp nhận trả cho chị M số tiền công may 1.300 chiếc yếm do sự việc chị M đưa ra không có thật. Quá trình giải quyết vụ án, chị M cung cấp cho Tòa án 01 tờ giấy kẻ ngang Hải Tiến (bút lục số 44) trên đó chị tự ghi số lượng yếm may đã giao cho chị P hàng tháng (từ tháng 01 đến tháng 12 năm 2021), mục đích để chị tự theo dõi, không có xác nhận bằng chữ ký hoặc điểm chỉ của chị P. Xét thấy các bên không thống nhất được về thời điểm thực hiện hợp đồng (trong năm 2021 chị M còn thực hiện may yếm thuê cho chị P không), từ đó kéo theo không thống nhất được số lượng sản phẩm và tiền công phải thanh toán cho nhau. Chứng cứ do chị M đưa ra là do chị tự ghi chép, không có xác nhận của chị P, nay chị P phủ nhận. Kết quả xác minh, lấy lời khai đối với những người làm chứng Vàng Thị M1, Vàng Thị S và Bí thư Chi bộ thôn ĐK đều xác định: tính đến đầu hoặc giữa năm 2021, chị M không còn may yếm cho chị P nữa. Từ những căn cứ trên, không có đủ căn cứ để xác định từ tháng 01 đến tháng 12 năm 2021, chị M có may yếm thuê cho chị P, do đó không có cơ sở chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn.

[5] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch; bị đơn phải chịu án phí dân sự có giá ngạch đối với số tiền 17.500.000 đồng; yêu cầu phản tố của bị đơn không được chấp nhận nên bị đơn còn phải chịu án phí dân sự có giá ngạch đối với số tiền 19.500.000 đồng, theo quy định tại khoản 1 Điều 47 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 6; điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 2, khoản 5 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại các Điều 271 và và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 463; khoản 1 và khoản 4 Điều 466; Điều 468; Điều 542 của Bộ luật dân sự của Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 47 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 6; điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 2, khoản 5 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự,

1. Chấp nhận yêu cầu kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn Sùng Thị M có trách nhiệm trả cho nguyên đơn Thào Thị P số tiền là: **17.500.000 đồng** *(mười bảy triệu năm trăm nghìn đồng)*, trong đó: 15.500.000 đồng là tiền gốc, 2.000.000 đồng là tiền lãi, thời hạn trả ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn Sùng Thị M về việc yêu cầu nguyên đơn Thào Thị P trả số tiền công may yếm là 19.500.000 đồng, do không có căn cứ.

3. Về án phí: Nguyên đơn Thào Thị P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Chị Sùng Thị M phải chịu án phí dân sự có giá ngạch đối với khoản tiền 17.500.000 đồng phải trả cho chị Thào Thị P và đối với khoản tiền 19.500.000 đồng, do yêu cầu phản tố không được chấp nhận. Tổng cộng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch chị Sùng Thị M phải chịu là 1.850.000 đồng, được khấu trừ số tiền 487.500 đồng chị M đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Hà Giang, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số theo biên lai số: 0005516, ngày 16/3/2023. Chị Sùng Thị M còn phải nộp 1.362.500 đồng (một triệu ba trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

5. Về điều kiện thi hành án: *Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7,7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.*

Nơi nhận:
- *VKSND tỉnh Hà Giang;*
- *TAND tỉnh Hà Giang;*
- *VKSND huyện Đ;*
- *Chi cục THADS huyện Đ;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ, vp*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Văn Đàm